

SỞ GD&ĐT CẦN THƠ**TTLT ĐH ĐIỀU HIỆN****Số 27 – Đường số 1 – KDC Metro****Ninh Kiều – TP.Cần Thơ****ĐT: 0949.355.366 – 0964.222.333****ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA THÁNG 09 - 2016****Môn: Hóa Học***Thời gian làm bài: 50 phút.*

Họ, tên:.....Số báo danh:.....

Mã đề thi 236**NỘI DUNG ĐỀ****(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm được in trên 04 trang giấy)**

Cho biết nguyên tử khối (theo đvC) của các nguyên tố: Be = 9; C = 12; N = 14; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Rb = 85; Sr = 88; Ag = 108; Sn = 119; Cs = 133; Ba = 137; Pb = 207.

Câu 1: Xà phòng hóa chất nào sau đây thu được glixerol?

- A. Tristearin. B. Metyl fomat. C. Metyl axetat. D. Benzyl axetat.

Câu 2: Số electron lớp ngoài cùng của kim loại Al ($Z = 13$) là

- A. 4. B. 2. C. 1. D. 3.

Câu 3: Để loại bỏ lớp cặn trong ấm đun nước lâu ngày (thành phần chính là CaCO_3), nên dùng dung dịch nào sau đây?

- A. Giấm ăn. B. Nước vôi. C. Muối ăn. D. Cồn 70^0 .

Câu 4: Ancol no, mạch hở X có không quá 3 nguyên tử cacbon trong phân tử. Biết X tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở điều kiện thường. Số công thức cấu tạo bền phù hợp với X là

- A. 1. B. 2. C. 4. D. 3.

Câu 5: Hỗn hợp X gồm axit fomic và ancol etylic. Cho một lượng X phản ứng vừa đủ với Na, thu được 2,24 lít khí H_2 (đktc) và m gam chất rắn Y. Giá trị của m là

- A. 16,30. B. 13,60. C. 13,80. D. 17,0.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây sai:

- A. Trong hợp chất, crom có số oxi hóa đặc trưng là +2, +3, +6.
B. CrO_3 là oxi axit.
C. Cr_2O_3 tan được trong dung dịch NaOH loãng.
D. Dung dịch $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$ có màu da cam.

Câu 7: Điện phân nóng chảy hoàn toàn 5,96 gam muối clorua của kim loại M, thu được 0,04 mol Cl_2 . Kim loại M là

- A. Mg. B. Ca. C. K. D. Na.

Câu 8: Thực hiện các thí nghiệm sau ở nhiệt độ thường:

- (1) Cho bột Al vào dung dịch NaOH. (2) Cho bột Fe vào dung dịch AgNO_3 .
(3) Cho CaO vào dung dịch CH_3COOH . (4) Cho dung dịch Na_2CO_3 vào dung dịch MgCl_2 .

Số thí nghiệm có xảy ra phản ứng là

- A. 2. B. 1. C. 3. D. 4.

Câu 9: Cho dãy các chất: $\text{CH}_2=\text{CHCOOH}$; CH_3COOH ; $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_2-\text{OH}$; $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$; HCOOCH_3 . Số chất trong dãy làm mất màu dung dịch brom là

- A. 5. B. 4. C. 3. D. 2.

Câu 10: Phản ứng đặc trưng của este là

- A. phản ứng vô cơ hoá. B. phản ứng thủy phân. C. phản ứng este hoá. D. phản ứng nitro hoá.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Các kim loại đều chỉ có một số oxi hoá duy nhất trong các hợp chất.
B. Tính chất hóa học đặc trưng của kim loại là tính khử.
C. Ở điều kiện thường, tất cả các kim loại đều ở trạng thái rắn.
D. Ở điều kiện thường, các kim loại đều có khối lượng riêng lớn hơn khối lượng riêng của nước.

Câu 12: Thủy phân este X trong môi trường axit thu được cả hai sản phẩm đều tham gia phản ứng tráng gương. Công thức của X là

- A. $\text{HCOOCH}=\text{CH}_2$. B. $\text{CH}_2=\text{CHCOOCH}_3$. C. HCOOCH_3 . D. $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$.

Câu 13: Đun nóng etyl axetat với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, sản phẩm thu được là

- A. CH_3COONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COONa}$ và CH_3OH .
C. CH_3COONa và CH_3OH . D. HCOONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.

Câu 14: Trong tự nhiên, canxi sunfat tồn tại dưới dạng muối ngậm nước ($\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$) được gọi là

- A. thạch cao nung. B. thạch cao sống. C. bôxít. D. đá vôi.

Câu 15: Kim loại sắt **không** phải ứng được với dung dịch nào sau đây?

- A. H_2SO_4 loãng. B. HNO_3 loãng. C. HNO_3 đặc, nguội. D. H_2SO_4 đặc, nóng.

Câu 16: Cho bột Fe vào dung dịch AgNO_3 dư, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch gồm các chất tan:

- A. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$, $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$. B. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$, AgNO_3 .
C. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$, AgNO_3 , $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$. D. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$, AgNO_3 .

Câu 17: Tiến hành các thí nghiệm sau

- (a) Cho dung dịch NH_3 vào dung dịch MgCl_2 .
(b) Sục khí SO_2 vào dung dịch H_2S .
(c) Cho dung dịch AgNO_3 vào dung dịch NaF.
(d) Cho kim loại Ba vào dung dịch H_2SO_4 .
(e) Cho kim loại Mg vào dung dịch FeCl_3 (dư).

Sau khi kết thúc thí nghiệm, số trường hợp thu được kết tủa là

- A. 2. B. 5. C. 3. D. 4.

Câu 18: Cho các phát biểu sau:

- (a) Chất béo là trieste của glixerol với axit béo.
(b) Ở nhiệt độ thường, triolein tồn tại ở trạng thái lỏng.
(c) Ở nhiệt độ thường, $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tan được trong dung dịch glixerol.
(d) Đốt cháy hoàn toàn etyl fomat thu được số mol CO_2 lớn hơn số mol H_2O .
(e) Phenyl axetat là sản phẩm của phản ứng giữa là axit axetic và phenol.
(f) Đốt cháy hoàn toàn andehit axetic thu được số mol CO_2 bằng số mol H_2O .

Số phát biểu đúng là

- A. 3. B. 6. C. 5. D. 4.

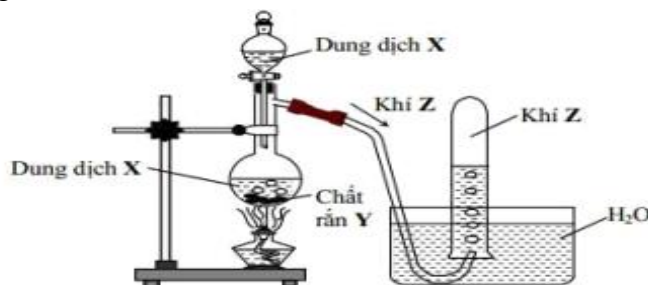
Câu 19: Chất X, Y (đều có $M = 60$ và chứa C, H, O). Chất X phản ứng được với Na, NaOH và NaHCO_3 ; chất Y phản ứng được với NaOH nhưng không phản ứng với Na, NaHCO_3 . Tên gọi của X, Y lần lượt là

- A. axit axetic và metyl fomat. B. axit axetic và metyl axetat.
C. metyl fomat và axit axetic. D. axit fomic và metyl axetat.

Câu 20: Hấp thụ sản phẩm cháy hidrocarbon vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$, dung dịch thu được có khối lượng giảm so với ban đầu vì khối lượng kết tủa

- A. nhỏ hơn tổng khối lượng CO_2 và H_2O . B. bằng tổng khối lượng CO_2 và H_2O .
C. lớn hơn tổng khối lượng CO_2 và H_2O . D. lớn hơn khối lượng CO_2 .

Câu 21: Hình vẽ sau mô tả thí nghiệm điều chế khí Z:



- A. H_2SO_4 đặc + Na_2SO_3 rắn $\xrightarrow{t^\circ}$ SO_2 + Na_2SO_4 + H_2O .
B. HCl dung dịch + Zn $\xrightarrow{t^\circ}$ ZnCl_2 + H_2 .
C. MnO_2 + HCl đặc $\xrightarrow{t^\circ}$ MnCl_2 + Cl_2 + H_2O .
D. $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dung dịch + NH_4Cl rắn $\xrightarrow{t^\circ}$ 2NH_3 + CaCl_2 + H_2O .

- Câu 22:** Chất X có công thức phân tử $C_3H_4O_2$, tác dụng với dung dịch NaOH thu được CHO_2Na . Công thức cấu tạo của X là
- A. $HCOO-C_2H_5$. B. CH_3-COOH . C. $CH_3-COO-CH_3$. D. $HCOO-C_2H_3$.
- Câu 23:** Dãy gồm các chất được sắp xếp theo chiều tăng dần nhiệt độ sôi từ trái sang phải là
- A. $HCOOCH_3, C_2H_5OH, HCOOH, CH_3COOH$. B. $CH_3COOH, HCOOH, C_2H_5OH, HCOOCH_3$.
 C. $CH_3COOH, C_2H_5OH, HCOOH, HCOOCH_3$. D. $HCOOH, CH_3COOH, C_2H_5OH, HCOOCH_3$.
- Câu 24:** Khi đốt cháy than đá, thu được hỗn hợp khí trong đó có khí X (không màu, không mùi, độc). X là khí nào sau đây?
- A. NO_2 . B. SO_2 . C. CO . D. CO_2 .
- Câu 25:** Kim loại nào sau đây thuộc nhóm IA ?
- A. Ca. B. Li. C. Mg. D. Al.
- Câu 26:** Phản ứng hóa học nào sau đây sai?
- A. $H_2 + CaO \xrightarrow{t^0} Ca + H_2O$. B. $ZnSO_4 + Mg \rightarrow MgSO_4 + Zn$.
 C. $2Na + 2H_2O \rightarrow 2NaOH + H_2$. D. $Cu + 2FeCl_3(\text{dung dịch}) \rightarrow CuCl_2 + 2FeCl_2$.
- Câu 27:** Một số este có mùi thơm hoa quả, không độc. Cho biết etyl butirát và isoamyl axetat lần lượt có mùi
- A. chuối chín và mùi táo. B. đào chín và mùi hoa nhài.
 C. táo và mùi hoa nhài. D. dứa và mùi chuối chín.
- Câu 28:** Chất X có cấu tạo CH_3COOCH_3 . Tên gọi của X là
- A. metyl propionat. B. metyl axetat. C. etyl axetat. D. propyl axetat.
- Câu 29:** Este X ($C_8H_8O_2$) tác dụng với lượng dư dung dịch KOH, đun nóng thu được hai muối hữu cơ và nước. X có tên gọi là
- A. phenyl fomat. B. benzyl fomat. C. metyl benzoat. D. phenyl axetat.
- Câu 30:** Cho các phản ứng sau:
- (a) $Cu + H_2SO_4$ (đặc, nóng) \rightarrow (b) $Si + \text{dung dịch NaOH} \rightarrow$
 (c) $FeO + CO \xrightarrow{t^0}$ (d) $O_3 + Ag \rightarrow$
 (e) $Cu(NO_3)_2 \xrightarrow{t^0}$ (f) $KMnO_4 \xrightarrow{t^0}$
- Số phản ứng sinh ra đơn chất là
- A. 5. B. 6. C. 3. D. 4.
- Câu 31:** Cho luồng khí CO dư qua ống sứ đựng 15,2 gam hỗn hợp FeO và Fe_2O_3 (nung nóng), thu được m gam chất rắn và hỗn hợp khí X. Cho X vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư, thu được 15 gam kết tủa. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là
- A. 8,4 B. 12,8. C. 11,2. D. 9,6.
- Câu 32:** Cho hỗn hợp M gồm một axit hai chức X, một este đơn chức Y và một ancol hai chức Z (đều no, mạch hở). Đốt cháy hoàn toàn 23,80 gam M thu được 39,60 gam CO_2 . Lấy 23,80 gam M tác dụng vừa đủ với 140 ml dung dịch NaOH 1M. Mặt khác, nếu lấy 0,45 mol M tác dụng với Na dư, thu được 8,064 lít H_2 (đktc). Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn và ancol Z không hoà tan được $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường. Phần trăm khối lượng của Y trong M là
- A. 18,66%. B. 12,55%. C. 17,48%. D. 63,87%.
- Câu 33:** Thủy phân 44 gam hỗn hợp 2 este cùng công thức phân tử $C_4H_8O_2$ bằng dung dịch KOH dư. Chung cất dung dịch sau phản ứng thu được hỗn hợp ancol Y và chất rắn khan Z. Đun nóng Y với H_2SO_4 đặc ở 140^0C , thu được 14,3 gam hỗn hợp các ete. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Khối lượng muối trong Z là
- A. 53,2 gam. B. 50,0 gam. C. 34,2 gam. D. 42,2 gam.
- Câu 34:** Cho hỗn hợp M gồm hai chất hữu cơ X, Y. Trong đó X là một axit hữu cơ hai chức, mạch hở, không phân nhánh (trong phân tử có một liên kết đôi $C=C$) và Y là ancol no, đơn chức, mạch hở. Đốt cháy hoàn toàn 22,32 gam M thu được 14,40 gam H_2O . Nếu cho 22,32 gam M tác dụng với K dư thu được 4,256 lít H_2 (đktc). Phần trăm khối lượng của Y trong M gần nhất với giá trị nào sau đây?
- A. 27,25%. B. 62,40%. C. 72,70%. D. 37,50%.

Câu 35: Thực hiện phản ứng nhiệt nhôm hỗn hợp X gồm Al và Fe₂O₃ (trong điều kiện không có không khí) thu được 14,46 gam hỗn hợp Y, nghiền nhỏ, trộn đều và chia hỗn hợp Y thành hai phần. Phần một tác dụng với dung dịch NaOH dư thu được 0,504 lít H₂ (đktc) và 1,68 gam chất rắn không tan. Phần hai tác dụng vừa đủ với 304 ml dung dịch HNO₃ 2,5M thu được 1,904 lít NO (đktc) và dung dịch Z chứa m gam hỗn hợp muối. Các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị m **gần nhất** với giá trị nào sau đây ?

- A. 47,5. B. 52,5. C. 50,0. D. 45,0.

Câu 36: Hòa tan hoàn toàn 8,66 gam hỗn hợp X gồm Mg, Fe₃O₄ và Fe(NO₃)₂ bằng dung dịch chứa hỗn hợp gồm 0,52 mol HCl và 0,04 mol HNO₃ (vừa đủ), thu được dung dịch Y và 1,12 lít (đktc) hỗn hợp khí Z gồm NO và H₂ có tỉ khối hơi đối với H₂ là 10,8. Cho dung dịch Y tác dụng với một lượng vừa đủ dung dịch AgNO₃ thu được m gam kết tủa và dung dịch T. Cho dung dịch T tác dụng với một lượng dư dung dịch NaOH, lọc kết tủa nung đến đến khối lượng không đổi thu được 10,4 gam chất rắn. Các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m **gần nhất** với giá trị nào sau đây ?

- A. 75. B. 77. C. 79. D. 73.

Câu 37: Đốt cháy 2,15 gam hỗn hợp gồm Zn, Al và Mg trong khí oxi dư, thu được 3,43 gam hỗn hợp X. Toàn bộ X phản ứng vừa đủ với V ml dung dịch H₂SO₄ 0,5M. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của V là

- A. 160. B. 480. C. 240. D. 360.

Câu 38: Cho 11,2 gam bột Fe tác dụng với 100 ml dung dịch hỗn hợp CuSO₄ 1,0M và FeCl₃ 0,6M. Kết thúc phản ứng thu được m gam kim loại. Giá trị của m là

- A. 6,40. B. 12,80. C. 10,32. D. 12,00.

Câu 39: Xà phòng hóa hoàn toàn 3,7 gam CH₃COOCH₃ bằng một lượng dung dịch NaOH vừa đủ. Cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được m gam muối khan. Giá trị của m là

- A. 3,40. B. 3,20. C. 4,10. D. 8,20.

Câu 40: Đốt cháy hoàn toàn 0,35 mol hỗn hợp X gồm metyl propionat, metyl axetat và 2 hidrocacbon mạch hở cần vừa đủ 28,448 lít O₂ (đktc), tạo ra 14,4 gam H₂O. Nếu cho 0,35 mol X vào dung dịch Br₂ dư thì số mol Br₂ phản ứng tối đa là

- A. 0,42. B. 0,26. C. 0,33. D. 0,40.

----- HẾT -----

Cán bộ coi thi không giải thích đề thi !

Đáp Án Mã đề: 236

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				
	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A																				
B																				
C																				
D																				